

ĐỀ 1**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)****Đọc văn bản sau:****THẦN MƯA**

Thần Mưa trong Thần thoại Việt Nam là thần hình rồng, thường xuống hạ giới hút nước biển, nước sông vào bụng rồi bay lên trời cao phun nước ra làm mưa cho thế gian có nước uống và cây cối, cây cỏ trên mặt đất được tốt tươi. Thần Mưa thường theo lệnh Trời đi phân phát nước ở các nơi. Thần Mưa có tật hay quên, có vùng cả năm không đến, sinh ra hạn hán ở hạ giới, có vùng lại đến luôn, làm thành lụt lội.

Bức xúc vì hạn hán kéo dài, ngày kia có một con Cóc kéo binh đoàn Gấu, Cọp, Cua, Gà và Ong lên thiên đình kiện Trời, đánh binh đoàn nhà trời toi tả, đến Thần Sét cũng bại trận tan tành. Trời phải đích thân ra nghênh tiếp, và phát hiện ra Thần Mưa đã ngủ quên cả năm trời. Trời cuống quýt sai Thần Mưa xuống hạ giới làm mưa gấp. Rồi dặn Cóc rằng hễ trời hạn hán thì hãy nghiêng rằng, Trời sẽ biết mà làm mưa. Từ đó có câu:

“Con cóc là cậu ông trời

Ai mà đánh nó thì trời đánh cho”

Sau vụ đó, Trời nhận ra công việc phân phối nước cho khắp mặt đất rất nặng nề, một mình thần Mưa có khi không làm hết, nên Trời mở một cuộc thi chọn các giống thủy tộc có tài trở thành rồng hút nước phun mưa giúp sức thần Mưa. Cuộc thi rồng đó Trời đã chọn lấy địa điểm ở cửa Vũ (Vũ Môn) thuộc Hà Tĩnh ngày nay.

Cuộc thi gồm ba kỳ, mỗi kỳ phải vượt qua một đợt sóng, con vật nào đủ sức, đủ tài, vượt qua cả ba đợt thì mới đậu để được hóa Rồng. Trong một tháng trời, bao nhiêu loài thủy tộc đến thi đều bị loại, vì không con nào vượt trót được cả ba đợt sóng. Có con cá rô nhảy qua được một đợt, đợt sau thì bị rút. Có con tôm nhảy qua được hai đợt, ruột gan vầy vầy râu đuôi đã gần hóa rồng. Khi đến đợt ba, đuối sức bị té nên lưng cong lại.

Đến lượt có một con cá chép vào cuộc thi, con cá này bản chất của nó đã là quý hiếm đặc biệt, vì trong miệng nó có ngậm một viên ngọc trai. Thần Gió thấy lạ bay đến để xem, gió, mây ào ạt kéo đến, sấm sét âm trời, và những đợt sóng cao trời dậy, đưa cá chép ào ào vượt qua cả ba đợt sóng tới Vũ Môn nhả ngọc hóa rồng. Do đó mà trong dân gian đã có câu ca dao về việc cá chép hóa rồng.

“Mòng ba cá đi ăn thề

Mòng bốn cá về cá vượt Vũ Môn”

Lựa chọn đáp án đúng nhất:**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 2. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyền thuyết
- B. Sử thi
- C. Thần thoại
- D. Truyện cổ tích

Câu 3. Trong văn bản, thần mưa làm ra mưa bằng cách nào?

- A. Hút nước biển, nước sông vào bụng rồi bay lên trời cao phun nước ra làm mưa.
- B. Trời sai thần làm ra mưa.
- C. Hễ cóc nghiêng răng thì thần sẽ làm ra mưa.
- D. Cá chép vượt Vũ Môn nhả ngọc hóa rồng làm ra mưa.

Câu 4. Chọn đáp án nêu đúng và đủ các sự việc chính của văn bản?

- A. Thần Mưa làm ra mưa theo lệnh của Trời; cá chép hóa rồng.
- B. Thần Mưa tạo mưa, các loài vật bức xúc vì hạn hán kéo dài nên lên kiện trời.
- C. Thần Mưa tạo mưa nhưng hay ngủ quên nên có vùng hạn hán, có vùng lụt lội; bức xúc vì hạn hán, Cóc kéo các loài vật lên kiện trời; Trời mở cuộc thi vượt Vũ Môn, cá chép hóa rồng.
- D. Thần Mưa tạo mưa nhưng hay ngủ quên, hiện tượng cóc nghiêng răng khi trời sắp mưa.

Câu 5. Văn bản *Thần Mưa* thể hiện nội dung chính nào dưới đây?

- A. Biết ơn người có công với cộng đồng
- B. Tôn vinh thần Mưa
- C. Giải thích hiện tượng mưa ở thế giới tự nhiên
- D. Giải thích nguồn gốc hình thành mưa, lụt lội, hạn hán; hiện tượng cóc nghiêng răng khi trời sắp mưa và sự ra đời, hình dạng của một số loài thủy sản.

Câu 6. Qua đoạn trích, có thể thấy đặc điểm nổi bật của thể loại là gì?

- A. Ước mơ về cuộc sống tốt đẹp, công bằng
- B. Thể hiện tư tưởng: Ở hiền gặp lành
- C. Giải thích các hiện tượng tự nhiên
- D. Giải thích nguồn gốc của vũ trụ.

Câu 7. Tác giả dân gian muốn lí giải hiện tượng nào qua câu ca dao:

*“Mông ba cá đi ăn thề
Mông bốn cá về cá vượt Vũ Môn”*

- A. Cá chép bơi ngược dòng để đẻ trứng
- B. Cá chép vượt Vũ Môn
- C. Cá chép hóa rồng
- D. Cá chép đi kiếm ăn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra các chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích và ý nghĩa của chúng?

Câu 9. Qua đoạn trích, hãy nhận xét về tình cảm, thái độ của người xưa với thế giới tự nhiên.

Câu 10. Nêu cảm nhận về một chi tiết mà em thấy ấn tượng nhất? (trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng).

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vai trò của hạnh phúc trong cuộc sống của mỗi người.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm														
I		ĐỌC HIỂU	6.0														
	1 - 7	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr><tr><td>B</td><td>C</td><td>A</td><td>C</td><td>D</td><td>C</td><td>A</td></tr></table> <p>Hướng dẫn chấm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.</p>	1	2	3	4	5	6	7	B	C	A	C	D	C	A	3.5
1	2	3	4	5	6	7											
B	C	A	C	D	C	A											
	8	<p>- Các chi tiết kì ảo, hoang đường: Thần mưa làm ra mưa, cóc kéo lên thiên đình kiện trời, cá chép vượt Vũ Môn hóa rồng.</p> <p>- Ý nghĩa: Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả dân gian, nhận thức đơn giản và cách lí giải của người xưa về thế giới tự nhiên</p> <p>Hướng dẫn chấm: Mỗi ý lớn được 0,25 điểm</p>	0.5														
	9	<p>Nhận xét về tình cảm, thái độ của người xưa với thế giới tự nhiên:</p> <p>- Trong cái nhìn của người xưa, vạn vật đều có linh hồn.</p> <p>- Con người sống gần gũi, chan hòa với thế giới tự nhiên</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm</p> <p>- Trả lời lan man, sơ sài: 0,25 điểm</p>	1.0														

		- Không trả lời: 0 điểm	
	10	<p>*Đảm bảo hình thức đoạn văn.</p> <p>*Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được chi tiết ấn tượng đối cới bản thân. - Lí giải được vì sao lại ấn tượng(phân tích, làm rõ ý nghĩa của chi tiết) <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 điểm - Học sinh trả lời lan man, không rõ ý: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1.0
II		LÀM VĂN	4.0
		<p>Phần II. Viết(6,0 điểm)</p> <p>Anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vai trò của hạnh phúc trong cuộc sống của mỗi người.</p>	
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>vai trò của hạnh phúc.</p>	0.5
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vai</p>	2.25

	<p>trò của hạnh phúc trong cuộc sống của mỗi người.</p> <p>* Thân bài</p> <p>1. Giải thích:</p> <p><i>Hạnh phúc</i> là sự vui vẻ, mãn nguyện, đạt được những điều mong muốn.</p> <p>2. Phân tích, bình luận ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu biểu hiện của hạnh phúc: + Luôn có cái nhìn tích cực về cuộc sống, con người. + Luôn mỉm cười, bằng lòng với những gì mình có. + Sống hài hòa, tạo ra và nuôi dưỡng các mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống... - Vai trò của hạnh phúc + Thỏa mãn nhu cầu tinh thần của bản thân, cân bằng cảm xúc, làm cuộc sống trở nên vui vẻ hơn. + Tạo cảm giác yêu đời, yêu cuộc sống. + Tạo động lực để vượt qua những thách thức, mệt mỏi khó khăn và đạt được những niềm hạnh phúc mà bản thân khao khát. + Giúp con người luôn nhìn cuộc sống một cách tích cực. <p>(Cần phải lấy được dẫn chứng chứng minh làm rõ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng: Trong cuộc sống, một số người luôn có thái độ bi quan hoặc quá cầu toàn, vì vậy họ không cảm nhận được hạnh phúc mà mình đang có. <p>3. Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần lạc quan, yêu đời, chủ động, tích cực, luôn hướng về những điều tốt đẹp để cảm nhận được hạnh phúc. - Xác lập được cho bản thân mục tiêu hạnh phúc của bản thân. - Không ngừng cố gắng, nỗ lực để đạt được mục tiêu đó. <p>* Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát lại vấn đề nghị luận - Thông điệp nhắn gửi mọi người. 	
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được 3 ý: 2,25 điểm. 	

		<p>- Trình bày được 1 ý: 0,75 điểm.</p> <p>- Trình bày lan man, sơ sài: 0,25 điểm</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0.5
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0.5
Tổng điểm			10,0

.....Hết.....

ĐỀ 10

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Cũng cờ, cũng biển cũng cân đai
 Cũng gọi ông Nghè có kém ai.
 Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,
 Nét son điểm rõ mặt văn khôi.
 Tắm thân xiêm áo sao mà nhẹ,
 Cái giá khoa danh ấy mới hời.
 Ghế chéo lọng xanh ngời bánh chọe,
 Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi.

(Tiến sĩ giấy – Nguyễn Khuyến)

Câu 1. Xác định thể thơ?

Câu 2. Anh/chị biết gì về loại trò chơi dân gian “tiến sĩ giấy”?

Câu 3. Xác định và phân tích hiệu quả của điệp từ “cũng” trong câu thơ đầu?

Câu 4. Em có suy nghĩ gì về câu thơ “Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng”?

Câu 5. Câu thơ cuối cùng bộc lộ tình cảm, thái độ gì của tác giả?

Câu 6. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) để chia sẻ với Nguyễn Khuyến về hiện trạng tiền sỹ giấy trong xã hội đương thời?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Từ bài thơ Vịnh tiền sỹ giấy của Nguyễn Khuyến, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận bàn về vấn đề danh và thực trong học tập của học sinh hiện nay?

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Thất ngôn bát cú đường luật <i>Hướng dẫn chấm:</i> Trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm	0,5
	2	- Cùng với kì lân, đèn ông sao, đèn kéo quân..., “tiền sỹ giấy” là loại đồ chơi dân gian phổ biến trong mỗi dịp tết trung thu của con trẻ thời xưa. - Thời phong kiến, dân ta vốn hiếu học, trọng khoa bảng, muốn cổ vũ, khích lệ việc học nên đã dựng hình nộm tiền sỹ để trẻ con vừa nghinh rước trong dịp Tết trung thu, vừa noi gương học tập. <i>Hướng dẫn chấm:</i> Mỗi ý 0,25 điểm	0,5
	3	- Biện pháp tu từ: Phép điệp từ “cũng” – lặp lại 3 lần - Tác dụng: + Điệp từ cũng trong hai câu thơ đầu dày đặc, dồn dập hình thành trong người đọc nhận thức về một đối tượng (bản sao, bản nháp, hoặc đồ giả) trong tương quan với một đối tượng hác (bản gốc, đối tượng thực), từ đó khơi gợi trong người đọc hai kiểu thái độ: một là, thú vị gât gù tán thưởng cái hình nộm “tiền sỹ giấy”; hai là mỉa mai, giễu cợt đối với loại “tiền sỹ rởm” – loại tiền sỹ không có thực lực mà chỉ dựa trò mua quan bán tước. + Phép điệp tạo nhịp điệu cho câu thơ, thể hiện giọng mỉa mai châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thúy. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Xác định được biện pháp tu từ: 0,25 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng 0,25 điểm	0,5
	4	Câu thơ “Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng” - Trước hết, câu thơ mang nét nghĩa tả thực: Làm ra một ông tiền sỹ đồ chơi rất đơn giản, chỉ cần những mảnh giấy vụn với một ít màu điểm chỗ này, tô chỗ khác là có ngay “một ông nghề tháng tám”. Bởi thế các cửa hàng hàng mã có thể làm ra hàng loạt các ông nghề vào dịp tết Trung thu để đem bày bán khắp các chợ tỉnh chợ quê. - Sau, cần thấy lời thơ mang ý vị mỉa mai, châm biếm sâu cay:	0,75

		<p>những ông nghề làm bằng giấy kia xiêm áo, khoa danh đủ cả nhưng đều bị người đời coi rẻ, dùng làm trò tiêu khiển và kiếm lãi. Tương tự, cái đám tiền sĩ không có thực học mà dùng tiền mua danh ấy cuối cùng cũng đáng để người đời chê cười, dè bieu mà thôi.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời như Đáp án: 0,75 điểm</p> <p>- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm</p>	
	5	<p>- Thái độ của tác giả thể hiện trong câu thơ cuối</p> <p>+ Tác giả trực tiếp bày tỏ thái độ của mình với đám tiền sĩ không có thực học. Bằng việc đối lập giữa hai loại đồ thật với đồ chơi, Nguyễn Khuyến đã phân biệt rõ ràng hai tiền sĩ cũng mang danh tiền sĩ, cũng xênh xang mũ cao áo rộng như ai...nhưng thực chất, các ông nghề đang chễm chệ trên ngôi cao đều là “bọn tiền sĩ giấy” cả. Chúng thực chất chỉ là những thằng hề, chỉ đáng là trò chơi con trẻ, đáng bị người đời coi rẻ.</p> <p>+ Lời thơ chua chát, nặng trĩu ưu phiền và không giấu được nỗi ngậm ngùi cho danh vị cao quý bởi bản thân Nguyễn Khuyến cũng là một tiền sĩ, tất nhiên, một ông tiền sĩ thực, có thực tâm, thực tài.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.</p> <p>- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm</p>	0,75
	6	<p>- Đảm bảo hình thức đoạn văn.</p> <p>- Nội dung: <i>Chia sẻ với Nguyễn Khuyến về hiện trạng tiền sĩ giấy đương thời</i></p> <p>+ Là một nho sĩ từn “nấu sủ sôi kinh”, “thông kim bác cổ”, danh xứng bằng vàng bìa đá, Nguyễn Khuyến không khỏi đau lòng trước tẻ trạng “tiền sĩ giấy đương thời”. Lời thơ nhẹ nhàng nhưng đầy chua chát, suy tư, thể hiện rõ thái độ bất bình của cụ Yên Đỗ về “đám tiền sĩ rồn”.</p> <p>+ Bày tỏ thái độ thấu hiểu, đồng cảm, chia sẻ với Nguyễn Khuyến trước thực trạng đen tối của chế độ khoa cử đương thời.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề: 0,25 điểm.</p> <p>- Trả lời như đáp án: 0,75 điểm</p>	1,0
II		LÀM VĂN	6,0

II	PHẦN VIẾT	4.0
----	-----------	-----

	<i>Viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen chụp ảnh sống ảo</i>	
a	<p>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0.25
b	<p>Xác định được đúng yêu cầu của đề: Thuyết phục người khác từ bỏ thói quen chụp ảnh sống ảo.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề nhưng triển khai không đúng kiểu bài: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng kiểu bài và vấn đề bàn luận: 0,0 điểm.</p>	0.5
c	<p>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	2,5
	<p>* Mở bài:</p> <p>- Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận: <i>Thói quen chụp ảnh sống ảo rất cần được chúng ta cùng xem xét, bàn luận.</i></p> <p>- Nêu lý do hay mục đích viết bài luận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề bàn luận nhưng chưa nêu lý do hay mục đích: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng kiểu bài và vấn đề bàn luận: 0,0 điểm.</p>	0.5
	<p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích: Chụp ảnh sống ảo là hành động, việc làm đưa hình ảnh của mình đăng tải trên mạng xã hội khác xa với thực tế, nhằm tạo ra niềm vui cho riêng mình qua những lượt tương tác, phản hồi qua mạng xã hội như like, thả tim, lượt theo dõi,...</p>	1,5

	<p>- Bàn luận về tác hại của việc chụp ảnh sống ảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạn sẽ khiến người khác hiểu nhầm và xa lánh vì những thứ hào nhoáng, giả mạo mà bản thân mình tạo ra trong thế giới ảo. + Bạn sẽ còn lãng phí thời gian, ảnh hưởng tới sức khỏe, kết quả học tập của bạn, có thể còn phải đón nhận ánh nhìn không mấy thiện cảm từ mọi người; thậm chí còn gây căng thẳng, làm phiền người khác khi phải chạy theo sự cầu kì, đòi hỏi giúp đỡ chụp ảnh cho bạn,... + Bạn có thể trở thành nạn nhân của những vụ lừa đảo, khiêu khích trên mạng, còn trở thành cầu nối cho bọn tội phạm,... + Nếu thói quen sống ảo nếu không kiểm soát sẽ tác động mạnh tới tâm lý và nhân cách chính bạn như rối loạn tâm lý, sống hoang tưởng, tiêu cực, có thể có hành vi chống đối xã hội, hay dẫn tới tình trạng lo âu, trầm cảm. <p>- Lợi ích của việc từ bỏ thói quen chụp ảnh sống ảo</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạn sẽ không bị người khác xa lánh, hiểu lầm vì những thứ hào nhoáng, giả mạo mà bản thân mình tạo ra trong thế giới ảo. + Bạn sẽ có nhiều thời gian hơn để làm những công việc có ích: học bài, nói chuyện với gia đình, học thêm kỹ năng,... + Bạn sẽ không trở thành nạn nhân của những vụ lừa đảo, khiêu khích trên mạng,... + Bạn sẽ kiểm soát được hành vi, sẽ không còn lo âu, trầm cảm, ... + Bạn sẽ tập trung hơn vào những mối quan hệ thân thiết, cải thiện và phát triển chất lượng của những mối quan hệ thực sự hữu ích. <p>- Giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của việc chụp ảnh sống ảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạn chỉ nên đăng tải những tấm hình, những câu chuyện xác thực, không thổi phồng sự thật, sống đúng với bản thân mình. + Bạn có thể cùng nhau chung tay với mọi người bằng những hành động đẹp để đẩy lùi bệnh sống ảo. + Cần có những chế tài hợp lý để xử phạt những hành vi sống 	
--	---	--

	<p>ảo gây hậu quả thiệt hại cho người khác: sử dụng thông tin giả để chiếm đoạt tài sản,...</p> <p>+ Chúng ta cũng cần phê phán những kẻ lạm dụng việc sống ảo, đồng thời dẫn dắt họ ra khỏi vùng tăm tối đang che mắt họ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh giải thích, bàn luận đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh giải thích, bàn luận chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm - 1,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh bàn luận chung chung, chưa rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,5 điểm – 0,75 điểm.</p> <p>+ Học sinh bàn luận sơ lược, không rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh không làm hoặc chưa triển khai vấn đề: 0,0 điểm</p>	
	<p>* Kết bài: Khẳng định lại lợi ích của việc từ bỏ thói quen chụp ảnh sống ảo; thể hiện niềm tin vào sự cố gắng hay hy vọng ở sự thành công của người được thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh chỉ khẳng định vấn đề mà chưa rút ra bài học, thông điệp: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh chưa khẳng định vấn đề bàn luận: 0,0 điểm.</p>	0,5
d	<p>Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
e	<p>Sáng tạo</p> <p>Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn; có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	0,5

	- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. - Không cho điểm nếu bài văn không có sáng tạo về diễn đạt, giọng điệu,	
Tổng điểm		10.00

ĐỀ 3**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:****Nữ thần A-thê-na¹**

Trong số các vị thần của thế giới Ô-lim-pi-a thì sự ra đời của nữ thần A-thê-na kì lạ hơn cả. Đối với các vị thần tất nhiên sự sinh ra đã khác thường rồi, nhưng A-thê-na thần kì hơn. Nàng không phải do mẹ sinh ra mà do bố sinh ra, và sinh ra ... từ đầu!

Dớt² mắc chứng đau đầu rất dữ, đau từng cơn ong ong, lục ục trong đầu. Trong một cơn đau muốn nổ tung óc, Dớt gọi thần Hê-phai-xtốt lại và ra lệnh : “Lấy búa bổ đầu ta ngay, làm ngay đi...”. Hê-phai-xtốt do dự trước cái lệnh kì quái đó, nhưng Dớt trừng mắt quát: “Bổ đi! Làm ngay đi!...” – Thế là Hê-phai-xtốt nghe lời Dớt. Chàng nâng cây búa nặng ngàn cân lên, dùng sức giáng vào đầu Dớt. Chát một cái! Hê-phai-xtốt rung mình. Sọ của Dớt nứt toác ra, và từ kẽ nứt nhảy ra một người thiếu nữ mặc nhung y, vũ phục gọn gàng, tay kiếm cung, mắt sáng long lanh, tiếng to như sấm. Vừa nhảy khỏi đầu Dớt, nàng liền hét một tiếng vang động cả trời đất như khi xung trận. Đó là A-thê-na, vị thần của trí tuệ, tri thức và chiến trận. A –thê- na đội mũ trụ đồng sáng loáng, mặc áo choàng dài, thường khi tay khoác khiên, đứng uy nghi oai phong lẫm liệt như một nam thần. Vì là nữ thần của trí tuệ, tri thức nên A-thê-na đã sáng tạo ra biết bao nhiêu điều để dạy cho người dân Hi Lạp. Nàng đã ban cho người trần thế cái cày cái bừa để họ có thể làm ruộng, trồng lúa, trồng nho. Nàng trao cho người phụ nữ cái xe quay sợi và khung cửi dệt. Nàng dạy cho họ nghề dệt khéo léo và công phu để họ có thể dệt nên tấm vải dày, mỏng tùy theo ý thích với màu sắc rực rỡ như lòng họ mong muốn. Vì thế người xưa gọi nàng là “A-thê-na Ergana” nghĩa là “thợ giỏi”. Nàng còn đặt ra các thiết chế, luật pháp cho các đô thị, để con người biết cách cai quản, điều hành cuộc sống của mình được trật tự và công bằng. Vì là nữ thần trí tuệ, tri thức nên nàng được Dớt sinh ra từ ... đầu, hay cũng vì sinh từ đầu Dớt mà nàng phải là vị nữ thần của trí tuệ, tri thức? Do đó một chức năng nữa mà A- thê – na phải đảm nhận là: đảm bảo cho khoa học và kĩ thuật ở các đô thị phát triển rực rỡ, phục vụ hữu hiệu cho con người.

A-thê-na thường có một biệt danh quen thuộc là Palax. Người xưa giải thích, sở dĩ nàng có biệt danh này là do nàng đã đánh bại được tên khổng lồ Palax trong một trận giao tranh ác liệt. Để ghi nhớ chiến công hiển hách của mình, A-thê-na lột da địch thủ căng lên tấm khiên. [...] A-thê-na tham dự khá nhiều chuyện của thế giới thiên đình và thế giới loài người. Đối với người Hi Lạp cổ xưa, A-thê-na mang lại cho họ cuộc sống văn minh hơn. Nàng là nữ thần của tri thức. Nàng là ánh sáng của Khoa học, kĩ thuật, văn hóa, nghệ thuật soi rọi xuống cuộc sống tối tăm của con người. Nàng còn là nữ thần của chiến trận, chiến thắng. A-then một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Hi Lạp ngày xưa và thủ đô của Hi Lạp ngày nay, là đô thị mang tên nữ thần A-thê-na, và được nữ thần A-thê-na bảo hộ. Con vật gắn bó với nữ thần A-thê-na là con cú mèo. Vì thế, nữ thần

thường có những định ngữ kèm theo: A-thê-na có đôi mắt cú mèo, A-thê-na có đôi mắt màu xanh lục... Ngày nay trong văn học các nước Phương Tây, cái tên A-thê-na hoặc Minen-vơ có một nghĩa bóng là: “người đàn bà thông minh”, “người phụ nữ trí tuệ”, “thông tuệ”. Từ đó con cú của nữ thần A-thê-na cũng tượng trưng cho sự hiểu biết, thông minh, trí thức.

(Trích *Thần thoại Hy Lạp*³, Nguyễn Văn Khoa, NXB Văn học, 2014, tr.97-

98)

¹**Athena**[b] hoặc **Athene**,[c] còn có hiệu là **Pallas**,[d] là một nữ thần Hy Lạp cổ đại gắn liền với trí tuệ, nghề thủ công mỹ nghệ và chiến tranh,[1] thời sau này bà được đồng hóa với nữ thần La Mã Minerva.

²**Dớt**: vị thần có quyền lực tối cao trong Thần thoại Hi Lạp, chủ của điện Ô-lem-pơ

³**Thần thoại Hy Lạp** là tập hợp những huyền thoại và truyền thuyết của người Hy Lạp cổ đại liên quan đến các vị thần, các anh hùng, bản chất của thế giới, và nguồn gốc cũng như ý nghĩa của các tín ngưỡng, các nghi lễ tôn giáo của họ

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Không gian được xây dựng trong văn bản là:

- A. Núi rừng
- B. Cõi trần
- C. Cõi âm
- D. Vũ trụ

Câu 2: Nữ thần A-thê-na được sinh ra từ:

- A. Đầu của thần Dớt
- B. Nữ thần đất mẹ Gaia
- C. Cây búa của thần Hê-phai-xtốt
- D. Cánh tay của thần Dớt

Câu 3. A-thê-na là nữ thần đại diện cho:

- A. Văn minh của nhân loại
- B. Hôn nhân, gia đình và những đứa trẻ
- C. Trí tuệ, trí thức và chiến trận
- D. Tình yêu và tự do

Câu 4: Người xưa gọi nữ thần A-thê-na là A-thê- na Ergana, nghĩa là:

- A. Người phụ nữ trí tuệ
- B. Thợ giỏi
- C. Thông tuệ
- D. Người đàn bà thông minh

Câu 5. Chi tiết miêu tả sự xuất hiện của nữ thần A-thê-na “ *nhưng ỳ, vỗ phục gọn gàng, tay kiếm cung, mắt sáng long lanh, tiếng to như sấm....nàng liền hét một tiếng vang động cả trời đất như khi xung trận*” có ý nghĩa gì ?

- A. Thể hiện sự dũng cảm của một chiến binh khi ra trận.
- B. Thể hiện sự thông minh, tài giỏi của vị thần trí tuệ, trí thức
- C. Thể hiện vẻ đẹp lộng lẫy của vị thần sắc đẹp
- D. Thể hiện vẻ đẹp oai phong lẫm liệt của vị thần chiến trận

Câu 6: Dòng nào dưới đây **không đúng** với với câu chuyện trên?

- A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo
- B. Truyện được kể theo lời nhân vật
- C. Kết hợp với các chi tiết tả thực
- D. Nhân vật có khả năng phi thường

Câu 7. Câu chuyện trên có ý nghĩa:

- A. Ca ngợi sức mạnh của nhà nước A-then cổ đại.
- B. Phản ánh những xung đột xã hội căng thẳng
- C. Góp phần lý giải sự ra đời của nền văn minh Hi Lạp; ca ngợi, tự hào về trí tuệ và tài năng của con người.

D. Phản ánh công cuộc khám phá đại dương của người Hy Lạp cổ.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8. Lí giải tại sao sau khi đánh bại tên khổng lồ Palax, A-thê-na lại lấy biệt danh là tên của kẻ thù?

Câu 9. Nữ thần A-thê-na trong truyện cùng tên đã đóng góp rất nhiều cho nền văn minh Hy Lạp và nhân loại. Theo anh/ chị, những đóng góp ấy có còn ý nghĩa với cuộc sống hiện đại ngày nay không? Vì sao?

Câu 10. Trong những điều làm nên vẻ đẹp đặc trưng của thần thoại có nghệ thuật xây dựng chi tiết kì ảo. Chi tiết kì ảo nào trong câu chuyện trên để lại ấn tượng sâu sắc nhất với anh/chị? Vì sao? (Trả lời bằng 4-5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản *Nữ thần A-thê-na*.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	B	0.5
	5	D	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5
	8	- Khi đánh bại tên khổng lồ Palax, A-thê-na lại lấy biệt danh là tên của kẻ thù, vì: + Để ghi nhớ chiến công hiển hách + Để khẳng định tài năng, trí tuệ của A-thê-na	0,5 0,5
	9	- HS có thể trả lời: Có/ Không - HS đưa ra cách lý giải hợp lý, thuyết phục	0,25 0,75
	10	- HS nêu được 1 chi tiết kì ảo - Lí giải được quan điểm của bản thân.	0.25 0,25
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.5
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Ý nghĩa, giá trị của văn bản <i>Nữ thần A-thê-na</i> .	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các	2.0

	yêu cầu sau:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm <i>Nữ thần A-thê-na</i>. - Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Về nội dung, câu chuyện kể về nữ thần A-thê-na – nữ thần đại diện cho sự thông minh, tri thức chiến trận (sự ra đời kì lạ, ngoại hình oai phong lẫm liệt, những đóng góp tiêu biểu...); góp phần lí giải về sự hình thành nền văn minh Hi Lạp cổ đại; thông qua đó, ngợi ca trí tuệ và sự hiểu biết của con người. + Về nghệ thuật, văn bản chứa đựng những đặc trưng của nghệ thuật cổ đại Hy Lạp: sự phong phú của trí tưởng tượng; , tính hấp dẫn của các chi tiết tả thực kết hợp với kì ảo, nhân vật xuất hiện với năng lực phi thường - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện (có thể nêu bài học về sự cống hiến cho cộng đồng, không ngừng học hỏi sáng tạo.../thể hiện sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của câu chuyện trong tác phẩm....) 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ 4

I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau :

Ngọc Hoàng thượng đế cai quản cả trên trời, dưới đất. Bộ hạ của Ngọc Hoàng rất nhiều, trong đó nữ thần Lửa được Ngọc Hoàng giao cho một trọng trách lớn: giữ lửa. Lửa của nữ thần này có rất nhiều loại, có loại lửa thường, thần rất sẵn lòng cho nếu ai thành tâm đến xin, có loại lửa xanh chỉ thần Sét mới được dùng... Đặc biệt có một thứ lửa rất màu nhiệm có thể đặt nồi không mà nấu được những thức ăn rất ngon lành. Nhưng thứ lửa này chỉ nhà trời mới được dùng, còn những người trần mắt thịt thì không bao giờ được biết đến. Người hạ giới cũng biết thứ lửa này nhưng chưa ai có thể lấy được vì nữ thần Lửa là một bà già rất khô khan và hung dữ. Bà có một thứ bảo bối dùng làm vũ khí luôn luôn ngậm trong miệng. Đó là rất nhiều chiếc lưỡi đỏ lòm, có thể liếm một cái là cháy trụi hàng cánh đồng, hàng dãy núi và làm khô cạn hết nước ao hồ.

Nhưng có một lần người đốn củi vào rừng, tình cờ bắt gặp bếp lửa khi thần đi vắng. Người này mừng lắm bèn chặt một ống nứa, đặt lên trên bếp và chỉ lúc sau trong ống đã hiện ra cơm, cá, thịt,...Anh ta chén một bữa no nê rồi lăn ra ngủ. Chẳng dè, một lúc sau thần Lửa trở về. Thấy có người lạ khám phá ra bí mật của mình, thần bèn rút bát nước

luôn đeo sát bên mình dùi tắt bếp lửa rồi bỏ đi mất. Khi người đốn củi tỉnh dậy thì bếp nguội, tro lạnh, anh ta biết thần không muốn cho mình hưởng của quý này, nhưng vì tiếc của nên anh ta cố bới đống tro tàn ra xem, thì may thay hãy còn một chấm đỏ. Anh ta mừng rỡ vội mang về nhà. Từ đấy, ngày nào gia đình anh ta cũng có cơm thịt ê hê. Và cũng từ đó anh ta luôn chú ý giữ gìn không để lửa tắt. Nhưng có một lần, anh ta đi vắng, ngọn lửa được ủ trong trong bếp bỗng bốc lên và cháy cả vào vách nhà. Cô vợ thấy thế hốt hoảng, mang cả vò nước ở chái xối vào lênh láng. Đến khi chồng về thì tiếc thay ngọn lửa đã tắt ngấm. Từ đó người trần không ai còn được dùng đến ngọn lửa thần nữa. Họ chỉ có thứ lửa thường và cả ngọn lửa này nếu không biết cách giữ gìn thì cũng có thể bị mất nốt.

Người ta rất sợ những cơn giận của thần Lửa nên họ hết sức chiều chuộng ngọn lửa. Không mấy ai dám để cơn giận của thần bốc lên vì như vậy sẽ gây ra những đám cháy. Người ta lại còn sợ rằng những lúc cháy ấy hốt hoảng đổ nước nhiều thì lửa lại tắt đi mất.

(*Nữ thần Lửa*, trích *Kho tàng Thần Thoại Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin, tr 180, 181)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định nhân vật chính trong truyện thần thoại trên là ai?

- A. Nữ thần Lửa, Ngọc Hoàng
- B. Nữ thần Lửa
- C. Ngọc Hoàng
- D. Người đốn củi, cô vợ người đốn củi

Câu 2. Nữ thần Lửa được miêu tả là:

- A. Nữ thần khô khan, hung dữ nhưng có trách nhiệm
- B. Nữ thần khô khan, hung dữ
- C. Nữ thần độc ác, ma mãnh
- D. Nữ thần khô khan nhưng tốt bụng

Câu 3. Không gian bao quát được nói đến trong truyện *Nữ thần Lửa* là:

- A. Trên trời
- B. Dưới hạ giới
- C. Núi rừng
- D. Đáp án A và B

Câu 4. Dòng nào sau đây cho ta biết về công việc của nữ thần Lửa?

- A. Nữ thần Lửa được Ngọc Hoàng giao cho một trọng trách lớn: giữ lửa.
- B. Lửa của nữ thần có nhiều loại: lửa thường, lửa xanh,...
- C. Lửa nhiệm màu có thể đặt nồi không cần nấu mà có thức ăn ngon lành.
- D. Thần bèn rút bát nước luôn mang theo mình đội tắt bếp rồi bỏ đi mất.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói lên đặc điểm về cốt truyện của thần thoại *Nữ thần Lửa*.

- A. Xoay quanh quá trình sáng tạo ra vạn vật và con người.
- B. Xoay quanh chiến tích của những người anh hùng.
- C. Xoay quanh việc giữ lửa của nữ thần và quá trình lấy lửa, bảo vệ lửa của con người.
- D. Xoay quanh cuộc chiến mở rộng địa bàn.

Câu 6. Xác định chủ đề của truyện *Nữ thần Lửa*:

- A. Thể hiện nhận thức chất phác, hồn nhiên về thế giới tự nhiên, đồng thời bày tỏ khát vọng lí giải và chinh phục các hiện tượng tự nhiên của người xưa.
- B. Thể hiện nhận thức chất phác, hồn nhiên về thế giới tự nhiên, đồng thời thể hiện thái độ sợ hãi trước các hiện tượng tự nhiên của người xưa.
- C. Thể hiện ước mơ bay bổng, lãng mạn của người xưa về thế giới tự nhiên.
- D. Thể hiện niềm tin về sự tồn tại của thần linh và khát vọng lí giải các hiện tượng tự nhiên.

Câu 7. Qua truyện thần thoại trên, người xưa thể hiện thái độ như thế nào đối với nữ thần Lửa?

- A. Thái độ sợ hãi, ghét bỏ
- B. Thái độ sợ hãi
- C. Thái độ chiều chuộng
- D. Đáp án B và C

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Em có nhận xét gì về chi tiết: “...có một thứ lửa rất màu nhiệm, có thể đặt nồi không mà nấu được những thức ăn ngon lành”?

Câu 9. Qua truyện *Nữ thần Lửa*, anh/chị hãy lí giải vì sao người xưa lại thường tin rằng mọi hiện tượng trong tự nhiên đều do các vị thần sáng tạo ra?

Câu 10. Anh/chị hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất sau khi đọc văn bản.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện *Nữ thần Lửa*.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	B	0.5
	3	D	0.5
	4	A	0.5
	5	C	0.5
	6	A	0.5
	7	D	0.5
	8	<p>Nhận xét gì về chi tiết: “ ...có một thứ lửa rất màu nhiệm, có thể đặt nồi không mà nấu được những thức ăn ngon lành”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện khát vọng, mong ước của người xưa về một cuộc sống đủ đầy, no ấm. - Chi tiết hoang đường kì ảo, thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người xưa. - Đây là chi tiết li kì, hấp dẫn tạo nên sức sống cho câu chuyện <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương với các ý đã gọi trong đáp án: 1,0 điểm 	1,0

		<p>- Học sinh trả lời được hai ý: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được một ý: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	
	9	<p>Người xưa thường tin rằng mọi hiện tượng trong tự nhiên đều do các vị thần tạo ra là vì: Do sự hiểu biết còn hạn hẹp, nhận thức còn sơ khai; do khoa học kĩ thuật chưa phát triển nên người ta nhìn thấy sự bí ẩn, kì lạ trong mọi hiện tượng tự nhiên và tin những vị thần có sức mạnh phi thường, khả năng siêu nhiên mới có thể tạo ra chúng; do trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn của người xưa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,75-0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.</p>	1,0
	10	<p>- Một số thông điệp có ý nghĩa: Cần biết trân trọng những gì mình có; hãy biết thận trọng trong cuộc sống; cần biết bình tĩnh để xử lí các tình huống trong cuộc sống...</p> <p>- Chọn một thông điệp và lí giải phù hợp, thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu được một thông điệp: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh lí giải phù hợp, thuyết phục: 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm</p>	0,5
II		VIẾT	4.0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0.25
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</p> <p>Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật</p>	0.5

	của truyện thần thoại <i>Nữ thần Lửa</i> .	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	2.0
	<i>* Giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận</i>	0,25
	<p><i>* Phân tích đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật</i></p> <p>- Nội dung, chủ đề: Thể hiện nhận thức chất phác, hồn nhiên về thế giới tự nhiên, đồng thời bày tỏ khát vọng lí giải và chinh phục các hiện tượng tự nhiên của người xưa.</p> <p>- Đặc sắc nghệ thuật: Cốt truyện đơn giản, xoay quanh nhân vật nữ thần Lửa; không gian hạ giới gần gũi với con người, thời gian không xác định; nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua hành động, qua lời kể với lối miêu tả độc đáo...; ngôi kể thứ ba; xây dựng chi tiết hoang đường, kì ảo...</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>-Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm</p> <p>-Phân tích tương đối đầy đủ: 1,5-1,75 điểm</p> <p>-Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0-1,25 điểm</p> <p>-Phân tích chung chung không rõ các biểu hiện: 0,5-0,75 điểm</p>	
	<p><i>* Đánh giá:</i></p> <p>- Khẳng định lại chủ đề và giá trị của tác phẩm</p> <p>- Nêu ý nghĩa của truyện đối với bản thân</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>-Trình bày được hai ý:0,5 điểm</p> <p>-Trình bày được một ý:0,25 điểm</p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0.25
Tổng điểm		10.0

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**Đọc văn bản sau:****Thần Biển**

Có sự tích kể rằng thần Biển đội lốt một con rùa khổng lồ, ở ngoài khơi biển Đông, thường chỉ có công việc thở nước ra và hít nước vào để làm mức thủy triều lên xuống, ngày này qua ngày khác. Thỉnh thoảng thần làm sóng to nước lớn, ấy là những lúc biển động, có những ngọn sóng cao như núi mà người miền biển vẫn gọi là sóng thần.

Cũng có sự tích rất cảm động kể rằng trước khi làm thần Biển, nữ thần này là một thiếu nữ ở trên đảo, nổi tiếng về thương yêu anh em. Nàng có bốn người anh em đều là người chài lưới, quanh năm sống trên thuyền ở ngoài biển cả.

Một hôm trong lúc bốn người anh em đi biển, cô gái tự nhiên chết giấc rất lâu. Người chung quanh tưởng là cô bị ngộ gió chết mới đổ thuốc cho tỉnh lại. Nhưng khi sống lại, cô trách sao lại gọi mình tỉnh dậy quá sớm. Sau đó, ba người anh kể lại rằng trong lúc đi biển họ gặp phải một cơn bão lớn dữ dội, được cô em hiện hồn lên cứu họ thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo. Người anh thứ tư đi trên một chiếc thuyền khác mất tích luôn không thấy trở về, chỉ vì cô gái đã bị gọi khỏi cơn đồng thiếp trước khi cứu được anh.

Sau việc lạ lùng đó ít lâu thì cô gái chết. Cô từng hiện ra nhiều lần cứu các thủy thủ bị nạn hoặc giúp bắt bọn cướp biển, cùng làm mưa cứu mùa màng bị hạn hăng. Ngọc Hoàng thấy thế mới phong cô làm Thần Biển. Người ta hình dung Thần là một người con gái ngồi trên đầu ngọn sóng, đầu đội mũ triều thiên, tay cầm hốt ngọc.

(Theo Thần thoại, Doãn Quốc Sĩ sưu tầm và dịch thuật thegioicotich.vn)

Câu 1. (0,5 điểm) Tác phẩm trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?

Câu 3. (0,5 điểm) Tìm trong văn bản những chi tiết miêu tả công việc của thần Biển.

Câu 4. (1,0 điểm) Vì sao khi được người làng cứu, cô gái trong câu chuyện không cảm ơn mà lại trách móc?

Câu 5. (1,0 điểm) Nhận xét về cốt truyện được tác giả dân gian xây dựng trong tác phẩm.

Câu 6. (1,0 điểm) Theo anh/ chị, để miêu tả những đặc điểm của thần Biển, tác giả dân gian dựa trên cơ sở nào?

Câu 7. (1,0 điểm) Thông qua việc xây dựng hình tượng nữ thần Biển, dân gian gửi gắm khát vọng gì?

Câu 8. (0,5 điểm) Là một người sống trong xã hội hiện đại, anh/ chị có tin vào quan niệm vạn vật hữu linh không? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một bài văn phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện **Thần Biển**.

-----HẾT-----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)

Đáp án

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Tác phẩm trên thuộc thể loại nào? Thể loại thần thoại	0.5
	2	Nhân vật chính trong câu chuyện là ai? Nhân vật chính trong câu chuyện là nữ thần Biển/ Thần Biển/ Cô gái trên đảo/ Thiếu nữ trên đảo.	0.5
	3	Tìm trong văn bản những chi tiết miêu tả công việc của thần Biển. Chi tiết miêu tả công việc của thần Biển: “thở nước ra và hít nước vào để làm mức thủy triều lên xuống, ngày này qua ngày khác”. Thỉnh thoảng thần làm sóng to nước lớn, ấy là những lúc biển động, có những ngọn sóng cao như núi mà người miền biển vẫn gọi là sóng thần.	0.5
	4	Vì sao khi được người làng cứu, cô gái trong câu chuyện không cảm ơn mà lại trách móc? Khi được người làng cứu, cô gái không những không cảm ơn mà còn trách móc bởi vì việc tỉnh dậy quá sớm khiến cô không kịp cứu người anh thứ tư của mình. Có thể nói, vì không hiểu lí do cô gái “chết giấc” nên dân làng đã cản trở hành động cứu người của cô.	1.0

	5	Nhận xét về cốt truyện được tác giả dân gian xây dựng trong tác phẩm. Cốt truyện đơn giản, xoay quanh việc lí giải về nguồn gốc và công việc của thần Biển. Cốt truyện không có nhiều tình tiết và sự kiện phức tạp.	1.0
	6	Theo anh/ chị, để miêu tả những đặc điểm của thần Biển, tác giả dân gian dựa trên cơ sở nào? Để miêu tả đặc điểm của thần Biển, tác giả dân gian đã dựa vào sự quan sát thực tế các hiện tượng tự nhiên cũng như kết hợp với trí tưởng tượng bay bổng để sáng tạo ra một vị thần vừa gần gũi với con người vừa chứa đựng một sức mạnh và quyền năng phi thường.	1.0
	7	Thông qua việc xây dựng hình tượng nữ thần Biển, dân gian gửi gắm khát vọng gì? Thông qua việc xây dựng hình tượng nữ thần Biển, tác giả dân gian mong muốn gửi gắm: - Khát vọng khám phá và chinh phục thiên nhiên, vũ trụ - Mong muốn biển cả hài hoà, thuận lợi cho những chuyến đi biển	1.0
	8	Là một người sống trong xã hội hiện đại, anh/ chị có tin vào quan niệm vật hữu linh không? Vì sao? - Nêu được quan điểm của mình. - Lí giải được quan điểm; nội dung lí giải đảm bảo tính logic, thuyết phục, ngắn gọn.	0.5
II	VIẾT	Anh/ chị hãy viết một bài văn phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện <i>Thần Biển</i> .	4.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Thần Biển</i> .	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>	HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những	2.5

	<p>yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm <i>Thần Biển</i>. * Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung: Truyện xoay quanh nữ thần Biển nhằm lí giải về nguồn gốc, đặc điểm của biển cả. Từ đó, người xưa gửi gắm quan niệm về thiên nhiên, vũ trụ cũng như khát vọng khám phá, chinh phục tự nhiên. - Về nghệ thuật: Truyện mang những đặc trưng cơ bản về phương diện nghệ thuật của thể loại thần thoại như cốt truyện đơn giản; nhân vật chính là các vị thần; ngôi kể thứ ba với cách kể đơn tuyến, ít sự kiện, chi tiết. Thần Biển chủ yếu hiện lên thông qua một đặc điểm <i>yêu thương anh em</i>. Cách miêu tả đơn nhất chủ yếu qua hành động, việc làm của nhân vật. - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện (có thể là bài học dựa vào chính bản thân mình hoặc không ngại khi phải đương đầu với thử thách) / thể hiện sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của câu chuyện trong tác phẩm.... 	
	<p><i>d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0.5
	<p><i>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0.5

Đề 6

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc văn bản sau:

Thu vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
 Càn trúc lơ phơ gió hắt hiu.
 Nước biếc trông như tầng khói phủ,
 Song thưa để mặc bóng trăng vào.
 Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
 Một tiếng trên không ngỗng nước nào.
 Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại then với ông Đào.*

(Tuyển tập thơ Nguyễn Khuyến, NXB Hội nhà văn)

Và trả lời câu hỏi:

Câu 1. (0.75 điểm) Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. (0.75 điểm) Hãy chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh mùa thu trong câu thơ:

“Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào”

Câu 3. (1.0 điểm) Theo em, cảnh mùa thu trong bài thơ đặc trưng của miền nào? Vì sao?

Câu 4. (1.0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu thơ:

“Nước biếc trông như tầng khói phủ

Song thưa để mặc bóng trăng vào”

Câu 5. (1.0 điểm) Phân tích và sửa lỗi về trật tự từ trong câu sau:

“Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của Việt Nam quê hương, làng cảnh”.

Câu 6. (1.5 điểm) Em hãy viết một đoạn văn (từ 8 đến 10 dòng) nêu cảm nhận của bản thân về bức tranh mùa thu trong bài thơ trên.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Trong bài thơ Thu Vịnh, Nguyễn Khuyến “*then*” với Ông Đào, có nghĩa là cảm thấy xấu hổ vì bản thân chưa làm được gì cho nhân dân, cho đất nước. Đó là nỗi “*then*” của một nhân cách lớn. Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn nghị luận với chủ đề ***sự cần thiết phải có lòng khiêm tốn.***

(*) Ông Đào tức là Đào Uyên Minh (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người tỉnh Giang Tây, một danh sĩ đồng thời là một nhà thơ nổi tiếng đời Tấn của Trung Quốc, ông đã treo ẩn từ quan, về sống với ruộng vườn để giữ khí tiết của mình.

uigeli.xyz
ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần I		Yêu cầu	Điểm
Câu			6,0
	1	<p>Thể thơ: <i>Thất ngôn bát cú Đường luật</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Hs trả lời chính xác như đáp án hoặc trả lời “<i>Thất ngôn bát cú</i>”/“<i>Thất ngôn bát cú luật Đường</i>” : 0.75 điểm</p> <p>- Hs trả lời thể thơ khác với đáp án : không cho điểm</p>	0,75đ
	2	<p>Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh mùa thu:</p> <p>Trời thu xanh ngắt, cần trúc lơ phơ, gió hắt hiu, nước biếc, bóng trăng</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời 4- 5 từ ngữ, hình ảnh 0,75 đ</p> <p>- Trả lời 2- 3 từ ngữ, hình ảnh 0.5đ</p> <p>- Trả lời 1 từ ngữ, hình ảnh 0.25đ</p> <p>- Trả lời sai sáo với đáp án: 0.0đ</p>	0,75đ
	3	<p>Cảnh mùa thu trong bài thơ đặc trưng của miền nào? Vì sao?</p> <p>Đáp án:</p> <p>Ý 1. Cảnh mùa thu trong bài thơ trên là đặc trưng của miền: Đồng bằng Bắc Bộ/ vùng Bắc Bộ.</p> <p>Lí giải:</p> <p>Ý 2. Hình ảnh bình dị, quen thuộc: bầu trời, trúc, khói, nước, hoa ánh trăng thơ mộng... đặc trưng của làng quê Việt Nam</p> <p>Ý 3. Không gian cao rộng: “mấy tầng cao”</p> <p>Ý 4. Màu sắc thanh đậm: “xanh ngắt”, “xanh biếc”.</p>	<p>1,0đ</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>Ý 5. Đường nét, sự chuyển động nhẹ, uyển chuyển: “lơ phơ”, “hắt hiu”</p> <p>Với tài quan sát tinh tế, Nguyễn Khuyến đã gợi cho người đọc về bức tranh thu với không khí thanh sơ, dịu nhẹ, thoáng đãng, cảnh vật đặc trưng của làng quê Bắc bộ Việt Nam.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời ý 1 và trên 2 ý phân lí giải : 1,0 điểm - HS trả lời được ý 1 và 1 ý phân lí giải : 0,75 điểm - Hs trả lời được 1 ý phân lí giải : cho 0,25 điểm - Hs không trả lời được : 0,0 điểm 	
4	<p>Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ:</p> <p>Đáp án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ: so sánh “ như” - Đối: nước biếc >< song thưa; tầng khói phủ >< bóng trăng vào. - Tác dụng: <p>+ Góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên đẹp huyền ảo, thơ mộng.</p> <p>+ Tăng tính gợi hình, tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho lời thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời được 1 biện pháp tu từ : 0,25 điểm - HS trả lời được 1 ý nêu tác dụng : 0,25 điểm 	<p>1.0đ</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	5	<p>Phân tích và sửa lỗi về trật tự từ trong câu sau:</p> <p><i>“Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của Việt Nam quê hương, làng cảnh”.</i></p> <p>Đáp án</p> <p>- Phân tích lỗi:</p> <p>+ Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với yêu cầu cần diễn đạt và quy tắc cấu tạo.</p> <p>- Sửa lỗi:</p> <p>Nguyễn khuyến được mệnh danh là nhà thơ của quê hương, làng cảnh Việt Nam.</p> <p>-> Nhấn mạnh vào cụm từ “ quê hương, làng cảnh” để thấy được thành công bậc nhất của Nguyễn Khuyến về đề tài này trong nền thơ Việt Nam .</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Hs phân tích được lỗi, chỉ ra lỗi : 0,5 điểm</p> <p>- HS sửa câu chính xác : 0,5 điểm</p>	<p>1.0đ</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	6	<p>Em hãy viết một đoạn văn (từ 8 đến 10 dòng) nêu cảm nhận của bản thân về bức tranh mùa thu trong bài thơ Thu vịnh.</p> <p>Đáp án:</p> <p>Ý 1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, móc xích...</p> <p>Ý 2. Xác định và triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Cảm nhận về bức tranh mùa thu:</p> <p>+ Cảnh sắc mùa thu, không gian thu...</p> <p>+ Bức tranh mùa thu đẹp, đặc trưng của làng quê Bắc bộ Việt Nam...</p> <p>Ý 3. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Ý 4. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng, giáo viên linh động trong quá trình chấm.</i></p>	<p>1,5đ</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>

Phần II	Làm văn		
	1	<p>Trong bài thơ Thu Vịnh, Nguyễn Khuyến “<i>thẹn</i>” với Ông Đào, có nghĩa là cảm thấy xấu hổ vì bản thân chưa làm được gì cho nhân dân, cho đất nước. Đó là nỗi thẹn của một nhân cách lớn. Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn nghị luận với chủ đề <i>sự cần thiết phải có lòng khiêm tốn.</i></p>	4.0
	a.	<p><i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,5
	b.	<p><i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p><i>Sự cần thiết phải có lòng khiêm tốn.</i></p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0.25 điểm.</p>	0,5
	c.	<p><i>Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải bày tỏ được quan điểm của mình về <i>sự cần thiết phải có lòng khiêm tốn.</i></p> <p>Có thể theo hướng:</p> <p>- Khiêm tốn là sống đúng mực, không tự mãn, tự kiêu</p> <p>- Phân tích: sự cần thiết phải có lòng khiêm tốn:</p> <p>+ Đây là một đức tính đẹp, nó giúp chúng ta học được nhiều điều hay lẽ phải trong cuộc sống.</p> <p>+ Khiêm tốn để thấy mình cần phải cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa để tiến bộ.</p>	<p>2.5đ</p> <p>0.25</p> <p>1,5</p>

	<p>+ Khi có lòng khiêm tốn bạn luôn được mọi người yêu quý, kính trọng.</p> <p>- Chứng minh: hs cho ví dụ</p> <p>- Phê phán một số đối tượng luôn tự cao, tự mãn... họ sẽ bị xa lánh, ghét bỏ.</p> <p>- Bài học liên hệ: cần rèn luyện tính khiêm tốn, ham học hỏi, có tinh thần cầu tiến</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (2,0- 2,5 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,0 - 2.0 điểm).</i></p> <p>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 - 1,0 điểm).</i></p> <p><i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	<p>0.25</p> <p>0,25</p> <p>0.25</p>
d	<p><i>Chính tả, ngữ pháp.</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	<p>0,25</p>
e	<p><i>Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	<p>0,25</p>

		<p><i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý và có sáng tạo trong viết câu, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</i></p> <p><i>- Đáp ứng được yêu cầu: 0.25 điểm</i></p>	
--	--	--	--

Đề 7

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I/ ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

*Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mồ thảm không khua mà cũng cốc
Chuông sầu chẳng đánh có sao om
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,
Sau giận vì duyên để mồm mòm.
Tài tử văn nhân ai đó tá?
Thân này đâu đã chịu già tom
(Tự tình I - Hồ Xuân Hương)*

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- | | |
|----------------|------------------------------------|
| A. Thơ tự do | B. Thơ thất ngôn tứ tuyệt |
| C. Thơ lục bát | D. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật |

Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ in đậm.

- | | |
|-------------|------------|
| A. Phép đối | B. So sánh |
|-------------|------------|

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 3: Hai câu thơ “*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom/ Oán hận trông ra khắp mọi chòm*” thể hiện tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?

A. Oán hận

B. Hạnh phúc

C. Vui vẻ

D. Nhớ nhung

Câu 4: Trong câu thơ “Thân này đâu đã chịu già tom”, từ “Thân này” chỉ ai?

A. Người đọc

B. Nguyễn Khuyển

C. Nguyễn Du

D. Hồ Xuân Hương

Câu 5: Từ láy “vắng vắng” trong câu thơ “*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom*” gợi cảm giác về điều gì?

A. Tiếng trống thưa thớt, xa xăm

B. Thời gian càng trở nên khuya khoắt hơn

C. Một không gian rộng và tĩnh mịch

D. Nhỏ bé, ít ỏi

Câu 6: Đọc bài thơ, anh (chị) nhận thấy khát vọng gì của Hồ Xuân Hương?

A. Khát vọng công danh, sự nghiệp

B. Khát vọng hạnh phúc lứa đôi

C. Khát vọng cuộc sống ấm no

D. Khát vọng được đi ngao du sơn thủy

Câu 7: Sự giống nhau trong tâm trạng của Hồ Xuân Hương thể hiện trong hai bài thơ “Tự tình I” và “Tự tình II” là:

A. Sự căm thù chế độ phong kiến thối nát

B. Buồn tủi, xót xa, phần uất trước duyên phận

C. Sự thách thức cuộc đời

D. Buồn đau, chán chường vì cuộc đời nhợt nhạt, vô vị.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Xác định ý nghĩa nhan đề “Tự tình”.

Câu 9. Câu thơ “Thân này đâu đã chịu già tom” thể hiện điều gì trong tính cách, con người của nhân vật trữ tình?

Câu 10. Từ bài thơ “Tự tình II”, anh (chị) hãy viết 5- 7 dòng nhận xét về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến?

II/ VIẾT

Bạn hãy viết bài văn nghị luận về lòng khoan dung.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ**Môn Ngữ văn, lớp 10**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	<p>Ý nghĩa nhan đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự bộc lộ tâm tư, tình cảm một cách trực tiếp. Đó là lời tự bạch, tự trải lòng mình của Hồ Xuân Hương - Bài thơ Tự tình I chính là nỗi đau của Hồ Xuân Hương cũng như những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. 	0,75
	9	Câu thơ “Thân này đâu đã chịu già tom” thể hiện cá tính, sự mạnh mẽ, ngang tàng, quyết liệt của Hồ Xuân Hương.	0,75
	10	- Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến: bị chèn ép, bất hạnh, khổ đau, chất chứa đầy bi kịch,..	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>	2,5

		<p>HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoan dung: Là sự tha thứ, là sự rộng lượng đối với người khác, nhất là những người gây ra đau khổ cho mình; Là thái độ sống, lẽ sống cao đẹp, là phẩm chất, đức tính tốt đẹp của con người. - Biểu hiện: Khoan dung trước hết là cách đối xử độ lượng, là biết hi sinh, nhường nhịn đối với người khác; khoan dung là tha thứ cho những khuyết điểm, những lỗi lầm mà người khác gây ra cho mình hoặc xã hội. - Vai trò: Cần phải khoan dung vì đó là một phẩm chất cao đẹp, một cách ứng xử cao thượng cần được thực hiện, ngợi ca, vì đã là con người thì "vô nhân thập toàn" nên cần phải được đối xử rộng lượng và nhân bản,... - Bàn luận: Khoan dung không có nghĩa là bao che, dung túng cho những việc làm sai trái; Ngày nay, vẫn có những người ích kỉ, sống thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu đi sự thứ tha, khoan dung... - Liên hệ bản thân: nhận thức và hành động 	
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy</p>	0,5

ĐỀ 8

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**Đọc văn bản sau :****Xinh Nhã trả thù nhà**

Mấy ngày sau, cây kơ-long mới đổ. Xing Nhã tiếp tục chặt cành. Một tháng, hai tháng, ba tháng. Xing Nhã mới làm xong chiếc khiên. Hàng trăm, hàng nghìn dân làng

nhắc khiên không nổi. Xing Nhã bước tới, một tay nâng khiên, một tay giơ lên đầu, đội về buôn¹. Về tới nhà, ở một ngày, nghỉ một tháng, Xing Nhã suy tính chuyện đi đòi xương cho cha, trả thù cho mẹ.

[...] **Bang Ra và Xing Yuê** – Ta hãy lấy bảy ché rượu ngon, bảy con trâu đực trắng, cũng cho Trời, cho Đất phù hộ con trai ta khoẻ mạnh. Ta hãy lấy con gà cúng thần Nước, ta lấy con lợn cúng Y Rít phù hộ con trai ta khôn lớn, đừng đi chết bỏ xương nơi đất khác.

(Đoạn dưới đây miêu tả cuộc chiến đấu cuối cùng của Xing Nhã với anh em Gia – rơ Bú)

[...] Hai bên đánh nhau. Năm em trai của Gia-rơ Bú đã bỏ đầu tại gốc cây đa, bỏ thân tại núi lạ. Gia-rơ Bú bứt rứt, ngồi không yên, nằm không được, tay trái lấy chiếc khiên, tay phải nắm cán đao, Gia-rơ Bú đi vào rẫy của Hơ-bia Bơ-lao².

Xing Nhã – (Gặp Gia-rơ Bú) Ở Gia-rơ Bú, ai chạy trước?

Gia-rơ Bú - Hồi con chim linh mọc chưa đủ lông cánh³, hãy múa thử đi!

Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phăng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim diều chim ó.

Gia-rơ Bú nhìn theo, tối mảy tối mặt, không đoán được đường đao của Xing Nhã chĩa về hướng nào.

Gia-rơ Bú – Được, bây giờ ta không giắt được mảy thì ta sẽ tìm cách phá sạch làng mảy! Té ra đứa nào cũng là đầu đen máu đỏ⁴ cả sao?

Xing Nhã – (ngừng múa) Ở Gia-rơ Bú! Ta đang đứng ở phái Mặt Trời mọc đây rồi. Bây giờ thì người múa đi, ta đuổi theo.

Gia-rơ Bú múa lúng túng, múa loanh quanh như con gà mắc tóc, như sao lạc đường. Đường đao chỉ đâm vào giữa trống không.

Xing Nhã mới đi một bước, đã chém trúng ngay chân Gia-rơ Bú.

Xing Nhã – Ở Gia-rơ Bú, máu gì chảy ở chân đấy?

Gia-rơ Bú – Máu con vắt ở núi Hơ-mũ cắn tao.

Gia-rơ Bú múa tiếp, Xing Nhã chém luôn cánh tay phải, chiếc đao rơi “ròn rền”...

Xing Nhã – Tại sao khiên của người rơi mất rồi?

Gia-rơ Bú – Không phải! Đó là tiếng kêu của chiếc lục lạc cho trẻ con chơi, tiếng vù của con diều doi gió đấy!

Gia-rơ Bú cố sức múa nữa, nhưng lần này chưa kịp chỏ tay thì chiếc khiên đã bị Xing Nhã đánh vỡ tung, rơi xuống đất.

Cuối cùng đôi bên chỉ còn Pơ – rong Mung⁵ và Xing Nhã đánh nhau

[...] Trên trời, dưới đất, mây mưa mịt mù, gió bão ầm ầm, đổ cây lở núi. Hai bên đánh nhau từ khi trái khơ-la chín, đến mùa kê trở, vẫn không phân thắng bại. Cả hai đều kiệt sức, ngã trước chòi của Hơ-bia Bơ-lao

¹ Buôn: giống như làng (người Việt), bản (người Thái, H'Mông...)

² Hơ-bia Bơ-lao: cô gái giữ rẫy cho Gia-rơ Bú và là người yêu của Pơrong Mung.

³ Hồi con chim linh mọc chưa đủ lông cánh: cách nói hàm chứa sự coi thường của Gia-rơ Bú dành cho Xing Nhã

⁴ Đầu đen máu đỏ: ý nói cún đầu cứng cổ, gan góc, chẳng kiêng nể ai

⁵ Pơ – rong Mung: em trai thứ bảy của Gia-rơ Bú

(Cuối cùng, nhờ sự giúp sức của Hơ-bia Bơ-lao, Xing Nhã giết chết Pơ-rong Mung – người cuối cùng trong bảy anh em nhà Gia-rơ Bú, trả thù cho cha, cứu mẹ già thoát khỏi cuộc sống nô lệ)

(Theo Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, *Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam*, Tập I : *Văn học dân gian*, phần III, NXB Giáo dục, 1974. Tr.219-228)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì

- A. Cổ tích
- B. Sử thi
- C. Truyền thuyết
- D. Ngụ ngôn

Câu 2. Nhân vật chính trong văn bản là ai?

- A. Xing Nhã
- B. Gia-rơ Kết
- C. Gia-rơ Kết
- D. Pơ-rong Mung

Câu 3. Trong câu truyện, Xing Nhã đi tìm ai để trả thù?

- A. Hơ – bia Guê
- B. Hơ-bia Bơ-lao
- C. Bơ-ra Tang
- D. Gia-rơ Bú

Câu 4. Xing Nhã đi trả thù vì kẻ thù đã giết hại cả cha và mẹ chàng.

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5. Dòng nào miêu tả đúng và đầy đủ đặc điểm của chiếc khiên mà Xing Nhã sử dụng?

- (1) Khiên được làm bằng gỗ cây kolong
- (2) Khiên được làm trong ba tháng
- (3) Hàng trăm người tập trung mới nhắc được khiên
- (4) Khi mùa khiên. Đất trời nổi đông giá mù mịt
- (5) Vành khiên nạm bạc sáng chói

- A. (1) – (2) – (4)
- B. (1) – (3) – (5)
- C. (2) – (3) – (4)
- D. (2) – (4) – (5)

Câu 6. Thủ pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong câu văn sau:

Xing Nhã quay khiên múa. Đất bụi bay mù mịt như mây trời tháng Bảy. Xing Nhã nhảy qua trái núi, lượn qua con suối, phẳng qua đầu đèo, nhanh hơn bầy chim điều chim ó.

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Cường điệu

Câu 7. Dòng nào sau đây **không thể hiện đúng ý nghĩa của chiến thắng mà Xing Nhã đã đạt được trong văn bản trên?**

- A. Sức mạnh của chính nghĩa

- B. Kẻ ác phải bị trừng phạt
 C. Vẻ đẹp của người anh hùng lí tưởng trong mơ ước của cộng đồng.
 D. Chinh phục những vùng đất mới và thu phục những nô lệ mới.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Qua nhân vật Xing Nhã, người Tây Nguyên thể hiện quan niệm như thế nào về người anh hùng?

Câu 9. Có thể khẳng định Xing Nhã là người anh hùng có sức mạnh phi thường không? Vì sao?

Câu 10. Từ văn bản và phần chú thích ở chân trang, em hiểu thêm điều gì về đặc điểm văn hoá độc đáo của đồng bào Tây Nguyên?

LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về câu nói: “*Hận thù hãy viết lên cát, ân nghĩa hãy khắc lên đá*”.

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	D	0.5
	4	B	0.5
	5	A	0.5
	6	D	0.5
	7	D	0.5
	8	Qua nhân vật Xing Nhã, người Tây Nguyên thể hiện quan niệm về người anh hùng: có sức mạnh, sự dũng cảm, nhân hậu	0.5
	9	Xing nhã là người anh hùng có sức mạnh phi thường. Điều đó được thể hiện qua các chi tiết: Xing Nhã đồn cây kơlong làm khiên, Xing Nhã múa khiên, Xing Nhã đánh nhau với Gia-rơ Bú	1,0
	10	HS tự trả lời theo hiểu biết của mình. Ví dụ: lễ thổi tai – một lễ nghi cầu mong cho con cháu mau khôn lớn của đồng bào dân tộc Tây Nguyên xưa	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i></p> <p>Ý nghĩa của tinh thần lạc quan</p>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Hận thù hãy viết lên cát, ân nghĩa hãy khắc lên đá.</p> <p>Lưu ý: học sinh tự lựa chọn cách dẫn mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào năng lực của bản thân.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích</p> <p>Viết lên cát sẽ nhanh chóng bị sóng cuốn trôi và cát sẽ trở về trạng thái ban đầu. Viết lên đá không gì có thể xóa nhòa được và trường tồn với thời gian. Câu nói khuyên nhủ con người hãy mau chóng quên đi hờn giận để cuộc sống tốt đẹp hơn và ghi nhớ những ân nghĩa người khác làm cho mình để vươn lên, sống tốt đẹp hơn.</p> <p>b. Phân tích</p> <p>Trong cuộc sống, chúng ta hoặc người khác sẽ không tránh khỏi việc mắc sai lầm, việc khoan dung, tha thứ cho lỗi lầm của người khác góp phần làm cho cuộc sống của mình tốt đẹp hơn và ta cảm thấy thanh thản, thoải mái hơn, đồng thời chúng ta cũng được người khác yêu thương, tôn trọng hơn.</p> <p>Đối với những ơn nghĩa của người khác làm cho mình, ta cần ghi nhớ, có hành động đền ơn đáp nghĩa để lan tỏa được những thông điệp tích cực ra cuộc đời.</p> <p>Người sẵn sàng tha thứ những hờn giận và khắc ghi những ơn nghĩa là những người có nhân cách cao đẹp đáng được tôn trọng, học tập và noi theo.</p> <p>c. Chứng minh</p> <p>Học sinh tự lấy dẫn chứng cho bài làm văn của mình. (Lưu ý: dẫn chứng phải nổi bật được nhiều người biết đến).</p> <p>e. Phản biện</p> <p>Trong xã hội vẫn có không ít người có tính ích kỉ, nhỏ nhen, chỉ biết đến bản thân mình mà không cần suy nghĩ cho người khác và không tha thứ cho những lỗi lầm của người khác. Những người này sẽ luôn cảm thấy khó chịu và tự mình làm</p>	2.5

	ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của mình. Họ cần phải sửa đổi, sống bao dung hơn nếu muốn cuộc sống tốt đẹp hơn.	
	3. Kết bài Khái quát lại vấn đề nghị luận: Hận thù hãy viết lên cát, ân nghĩa hãy khắc lên đá và rút ra bài học cho bản thân.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ 9**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:****NGỌN LỬA PROMETE**

Thuở xa xưa, thế gian chưa có loài người, chỉ mới có các vị thần. Không muốn để tình cảnh trống vắng kéo dài, hai anh em Prométhée và Epiméthée xin phép Ouranos và Gaia cho mình tạo ra cho thế gian thêm nhiều cái gì đó để cho cuộc sống đông vui.

Ouranos và Gaia đồng ý và giao luôn việc đó cho hai anh em. Cậu em Epiméthée mừng quá, tranh ngay lấy đất và nước nhào nặn ra trước hết các loài vật và ban cho mỗi con vật một đặc ân của thần, một “vũ khí” để có thể phòng thân, hộ mệnh, bảo vệ được cuộc sống của giống loài mình. Con thì được ban ân huệ chạy nhanh như gió. Con thì có đôi mắt sáng xanh nhìn thấu cả đêm đen. Con thì có thân hình khổng lồ khỏe mạnh hết chỗ nói. Có con thân hình bé nhỏ nhưng lại có nọc độc gớm ghê...

Công việc tạo muôn loài đã xong xuôi, Epiméthée gọi Prométhée đến để xem xét lại. Mọi việc đều tốt nhưng khi xem kỹ lại thì thấy rằng còn sót lại một con, một con mà chàng Epiméthée dần dần lại quên mất chẳng ban cho một đặc ân, một thứ “vũ khí” gì.

Đó chính là con người! Một con người trần trụi hoàn toàn trước mặt Prométhée. Làm thế nào bây giờ? Làm thế nào để con người sống được ở thế gian khi các “nguyên liệu” đặc ân đã sử dụng phân phối hết rồi? Con người sẽ sống thế nào trước các con vật: hổ, báo, voi, sói, vẹt, nhím, gấu, ngựa, sư tử, cá, chim...là những con vật đã được sáng tạo hoàn hảo? Là những con vật đã được ban cho đặc ân của thần thánh? Và rồi còn phải đương đầu với nắng, mưa, bão tố, núi lửa phun, nước sông dâng, đất liền phụt chốc thành biển cả, bãi bể hóa nương dâu... biết bao biến thiên, tai họa khôn lường? Prométhée đã nghĩ thế. Và vị thần có bộ óc thông minh, có tài nhìn xa trông rộng này quyết sửa chữa bằng được cái thiếu sót của chú em lơ đãng, dần dần của mình. Prométhée dựa theo thân hình trang nhã của các vị thần tái tạo lại con người cho có một thân hình đẹp để thanh tao, vóc dáng thẳng, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Con người vẫn còn yếu yếu và thua kém nhiều so với các con vật.

Prométhée liền băng ngay lên bầu trời cao xa tít tắp, đến tận cỗ xe của thần Mặt trời-Hélios, lấy lửa của thần Mặt trời châm vào ngọn đuốc của mình đem xuống trao cho loài người. Từ đó, thế gian, mặt đất lúc nào cũng rực cháy ngọn lửa của Prométhée ban cho.

Con người thoát khỏi cảnh sống tăm tối, giá lạnh, đói khát. Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người. Ngọn lửa của con người hơn hẳn bộ lông dày, hàm răng sắc, cặp móng nhọn, thân hình khỏe mạnh đồ sộ, tài bay cao, nhìn xa, chạy nhanh của bất cứ con vật nào. Và với ngọn lửa của Prométhée, con người đã tạo dựng được cuộc sống ngày càng văn minh, hạnh phúc hơn.

Và từ đó dẫu mong manh và bấp bệ
Giống loài người đã có ngọn lửa của Prométhée
Ngọn lửa thiêng dạy cho họ biết bao nghề.

(Theo Nguyễn Văn Khoa, *Trích Thần thoại Hy Lạp*, NXB Văn Hóa, Quyền tái bản lần thứ 2/2002. Tr.61 – 62)

Prométhée: tiếng Hy Lạp: người tiên đoán.

²*Epiméthée*: tiếng Hy Lạp: người lơ đãng, đần độn.

Thực hiện những yêu cầu sau:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2: Văn bản trên là thần thoại suy nguyên hay thần thoại sáng tạo?

Câu 3: Truyện được kể bằng ngôi kể thứ mấy?

Câu 4: Nhân vật chính trong truyện là ai?

Câu 5: Trong văn bản, các vị thần đã làm những công việc gì?

Câu 6: Theo bạn, vì sao “*Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người*”?

Câu 7: Bạn có nhận xét gì về hình dáng con người khi được Prométhée tái tạo “*có một thân hình đẹp để thanh tao, vóc dáng thẳng, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác*”

Câu 8: Bài học ý nghĩa nhất mà (anh) schị rút ra được từ câu chuyện là gì? Vì sao? Hãy trình bày bằng đoạn văn ngắn khoảng 4-5 dòng.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Anh /chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của truyện *Ngọn lửa của Promete*

.....Hết.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	2	Văn bản trên là: thần thoại suy nguyên. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	3	Truyện được kể theo ngôi thứ ba (người kể toàn tri) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc tương tự đáp án: 0,75 điểm.	0,75

	<i>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</i>	
4	Nhân vật chính trong truyện là Prométhée Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</i>	0,75
5	Văn bản miêu tả, công việc của các vị thần là: <i>- Tạo ra cho thế gian thêm nhiều cái gì đó để cuộc sống đông vui.</i> <i>- Cậu em lấy ngay đất và nước nhào nặn ra trước hết các loài vật.</i> <i>- Ban cho mỗi con vật một đặc ân của thần, một vũ khí để có thể phòng thân, hộ mệnh, bảo vệ được cuộc sống của giống loài mình</i> Hướng dẫn chấm: <i>- Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm</i> <i>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</i>	1,0
6	Theo văn bản, vì sao “Ngọn lửa trở thành người bạn thân thiết, người bảo vệ chắc chắn nhất, một vũ khí mạnh nhất của loài người”? <i>- Học sinh giải thích được các ý sau:</i> <i>+ Ngọn lửa đem lại ánh sáng cho loài người/ giúp loài người thoát khỏi màn đêm tăm tối, lạnh giá của cõi hỗn mang.</i> <i>+ Khai mở trí tuệ, giúp con người thấu tỏ hết vạn vật thế gian. Là biểu tượng cho sự thông tuệ có thể bảo vệ con người trước muôn loài.</i> <i>+ Con người được ăn chín uống sôi, thoát khỏi cuộc sống mờ mịt muội để trở nên văn minh, tốt đẹp hơn.</i> Hướng dẫn chấm: <i>- Trả lời được như đáp án: 1,0 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời được 2 ý: 0,5 điểm</i> <i>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.</i>	1,0
7	Bạn có nhận xét gì về hình dáng con người khi được Prométhée tái tạo “có một thân hình đẹp để thanh tao, vóc dáng thẳng, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác” - Học sinh có thể trả lời theo cách hiểu của bản thân, nhưng cần phải lí giải hợp lí. - Ví dụ: + Đó là kiểu dáng, đẹp đẽ, hoàn hảo: hiên ngang, vững chắc, trở thành” kiểu mẫu của muôn loài”. + Giúp di chuyển dễ dàng, thuận lợi trong lao động, hái lượm và sinh trưởng. Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh đưa ra được cách lí giải hợp lí: 1,0 điểm</i> <i>- Học sinh đưa ra cách lí giải hợp lí nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm.</i> <i>- Học sinh có lí giải nhưng còn qua loa, sơ sài: (0,25 điểm)</i> <i>- Học sinh trả lời không đúng/ không trả lời: không cho điểm.</i>	1,0
8	- Học sinh rút ra bài học từ câu chuyện: Ví dụ: + Nhắc nhở mọi người về cách làm việc cần cẩn thận, tỉ mỉ, tránh vội vàng, hấp tấp để dẫn đến những thiếu sót hoặc hậu quả khôn lường..... Hướng dẫn chấm:	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được bài học hợp lý: 0,5 điểm. - Đưa ra được bài học nhưng không thuyết phục: 0,25 điểm. - Không đưa ra được bài học: không cho điểm. 	
II	LÀM VĂN		6,0
	Viết một bài văn nghị luận phân tích đánh giá về nội dung và nghệ thuật câu chuyện trên		4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.		0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Đánh giá về nội dung và nghệ thuật câu chuyện Hướng dẫn chấm: <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,0 điểm. 		0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cần đảm bảo các yêu cầu sau:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thể loại thần thoại, Thần thoại Hy Lạp, giới thiệu truyện <i>Ngọn lửa Prométhée</i>. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh chỉ giới thiệu được 01 trong 02 ý: 0,25 điểm.</i>		0,25
	Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân khiến cho thần Prométhée nặn con người và ban ngọn lửa cho con người. - Sự phong phú và những đặc ân của muôn loài khi xuất hiện trên mặt đất . - Thái độ lo lắng của thần Prométhée trước hành động lơ đãng, dấn dôn của cậu em trai Epiméthée khi “<i>quên mất chẳng ban cho con người một đặc ân, một thứ “vũ khí” gì</i>”. - Sự thông minh và tình yêu cũng như nỗi lo sợ khi con người không có đặc ân và vũ khí để tồn tại, để bảo vệ bản thân trước muôn loài vật khác khiến thần sáng tạo ra loài người với những vẻ đẹp riêng: “<i>Prométhée dựa theo thân hình trang nhã của các vị thần tái tạo lại con người cho có một thân hình đẹp để thanh tao, vóc dáng thẳng, đi bằng hai chân để đôi tay được thảnh thơi làm nhiều việc khác</i>”. - Lí do để thần ban ngọn lửa của nhà Trời cho con người. Duy nhất chỉ có loài người mới có khả năng sử dụng ngọn lửa. - Cuộc sống của loài người từ sau khi có lửa. - Khẳng định ý nghĩa và giá trị của ngọn lửa đối với đời sống của con người. Nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Cốt truyện đơn giản - Xây dựng hình ảnh lí giải về đặc trưng của các con vật sinh động thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người xưa. - Sử dụng yếu tố kì tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện. 		2,0

	<p>- Nghệ thuật đối lập có tính chất hài hước những vẫn khắc họa được tính cách nhân vật truyền thống của dòng văn học ở giai đoạn nhận thức còn ngây thơ của loài người qua 2 tính cách đối lập: Prométhée: người tiên đoán còn Epiméthée nghĩa là người lơ đãng, đãng trí, đần độn</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm - 1,75 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm.</p>	
	<p>* Đánh giá</p> <p>Ý nghĩa bài học rút ra từ truyện: nhằm giải thích về nguồn gốc của muôn loài, đặc biệt là loài người với những nét riêng và nói lên khát vọng chiến thắng thiên nhiên của con người cổ đại.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Đáp ứng được 2-3 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>+ Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
TỔNG: I + II = 10,00		

ĐỀ 10

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Câu chuyện về Thần núi Tản Viên

[...]

Có truyền thuyết kể rằng thần núi Tản Viên tuy thuộc dòng dõi vua Lạc Long Quân nhưng thuở lọt lòng bị bỏ rơi trong rừng, được một người tiều phu gặp đem về nuôi, đặt tên là Kỳ Mạng. Sở dĩ thần có tên này là vì trước khi gặp cha nuôi, đứa bé mới lọt lòng đã được dê rừng cho bú, chim chóc ấp ủ cho khỏi chết. Kỳ Mạng chóng lớn khôn, theo nghề cha nuôi ngày ngày vác rìu vào rừng đốn củi.

Một hôm, Kỳ Mạng đốn một cây đại thụ. Cây to lớn quá, chặt từ sáng đến chiều mà vẫn chưa hạ nổi. Bỏ dở ra về, đến sáng hôm sau trở vào rừng, Kỳ Mạng hết sức ngạc nhiên thấy những vết chặt đã dính liền lại khắp thân cây. Kỳ Mạng xách rìu lại chặt nữa, suốt ngày ráng hết sức không xong, đến ngày thứ hai trở lại cũng thấy cây vẫn nguyên vẹn như chưa hề bị động tới. Không nản chí, Kỳ Mạng ra công cố chặt, quyết hạ cho kỳ được, rồi đến tối ở lại nấp gần cây rình xem sự thể. Vào khoảng nửa

đêm, Kỳ Mạng thấy một bà lão hiện ra, tay cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng quanh cây, tự nhiên những vết chặt lại liền như cũ. Kỳ Mạng nhảy ra khỏi chỗ nấp, tức giận hỏi bà lão sao lại phá công việc của mình. Bà lão nói :

– Ta là thần Thái Bạch. Ta không muốn cho cây này bị chặt vì ta vẫn nghỉ ngơi ở trên cây.

Kỳ Mạng mới phản đối:

– Không chặt cây thì tôi lấy gì mà nuôi sống?

Bà thần đưa cho Kỳ Mạng cái gậy và dặn rằng : “Gậy này có phép cứu được bách bệnh. Hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho ngươi để cứu nhân độ thế”.

Kỳ Mạng nhận gậy thần, từ đấy bỏ nghề kiếm củi, đi chữa bệnh cho người đau. Có một hôm, đi qua sông thấy lũ trẻ chăn trâu đánh chết một con rắn trên đầu có chữ vương, Kỳ Mạng biết là rắn lạ mới cầm gậy thần gõ vào đầu con rắn thì con rắn ấy sống lại, bò xuống sông mà đi mất.

Được vài hôm, bỗng có một người con trai, đem đồ vàng ngọc, châu báu đến nói rằng :

– Thưa ngài, tôi là Tiểu Long Hầu, con vua Long Vương bể Nam. Bữa trước tôi đi chơi trên trần, chẳng may bị bọn trẻ con đánh chết. Nhờ có ngài mới được sống, nay mang lễ vật lên xin được tạ ơn.

Kỳ Mạng nhất định không lấy. Tiểu Long Hầu mới có mời xuống chơi dưới bể, đưa ra một cái ống linh tê, để Kỳ Mạng có thể rẽ nước mà đi.

Long Vương thấy ân nhân cứu con mình xuống chơi thì mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tặng nhiều của quý lạ, nhưng Kỳ Mạng vẫn một mực chối từ. Sau cùng Long Vương mới biểu một quyển sách ước. Lần này Kỳ Mạng nhận sách mang về trần. Cuốn sách ước chỉ gồm có ba tờ bằng da cá, ngoài bọc vỏ rùa. Ba trang sách, mỗi trang chứa một tính chất : Kim, Mộc, Hỏa... chỉ thiếu một trang Thủy mà Long Vương giữ lại.

Kỳ Mạng mới bắt đầu thử xem linh nghiệm ra sao, mở sách ra đặt tay vào trang Hỏa khấn khứa thì được nghe thấy sấm sét giữa lúc trời quang mây tạnh, rồi chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt đầy mây, chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời.

Kỳ Mạng mỉm cười đắc ý, đặt tay vào trang Mộc, ước ao thấy một rừng cây đi. Tức thì những cây ở trước mặt chàng tự nhiên tiến bước như một đạo quân.

Kỳ Mạng gấp sách lại, thấy mình từ đấy uy quyền, sức mạnh không còn ai sánh kịp. Rồi bắt đầu lang thang đó đây cứu giúp đời. Khi đã thành thần rồi, nhân một hôm qua cửa Thần Phù, ngài mới ngược dòng sông lên núi Tản Viên, ở luôn tại đấy. Với cuốn sách ước, ngài dựng lên những lâu đài cung điện nguy nga giữa chốn rừng núi hoang vu.

Từ đó tiếng đồn đi rằng núi Tản Viên do một vị thần phép thuật thần thông cai quản. Thần Tản Viên còn có tên gọi là Sơn Tinh nữa.

– Truyện thần thoại Việt Nam - TheGioiCoTich.VN –

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.

Câu 2. Theo văn bản, thần núi Tản Viên còn được biết đến với những tên gọi nào khác?

Câu 3. Cuốn sách Long Vương tặng Kỳ Mộng thiếu trang nào?

Câu 4. Câu văn nào thể hiện đầy đủ nhất sự thần kì của cây gậy được thần Thái Bạch tặng Kỳ Mộng?

Câu 5. Sau khi nhận được gậy Thái Bạch tặng, Kỳ Mộng làm nghề gì?

Câu 6. Sau khi mở sách ước, Kỳ Mộng đặt tay vào trang Hỏa thì điều gì xảy ra?

Câu 7. Nhân vật Kỳ Mộng có những phẩm chất cao quý nào?

Câu 8. Viết ngắn gọn về vai trò của 01 chi tiết kì ảo xuất hiện trong văn bản trên?

Câu 9. Qua nhân vật Kỳ Mộng, anh/chị có suy nghĩ gì về những phẩm chất cần có đối với thế hệ trẻ trong cuộc sống hiện nay?

Câu 10. Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với bạn? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Nhân vật Kỳ Mộng trong văn bản trên có một phẩm chất cao quý đó là thương người. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận về tình yêu thương con người trong cuộc sống.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6.0
	1	Thần thoại	0.5
	2	Kỳ Mộng, Sơn Tinh	0.5
	3	Thủy	0.5
	4	<i>Gậy này có phép cứu được bách bệnh. Hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu nhân độ thế.</i>	0.5
	5	Chữa bệnh cứu người đau.	0.5
	6	Sấm sét xuất hiện giữa lúc trời quang mây tạnh, rồi chỉ trong nháy mắt trên trời vùn vụt đầy mây, chớp sáng, sấm sét nổi lên rung chuyển cả bầu trời.	0.5
	7	Chăm chỉ, thương người, ngay thẳng	0.5

	8	Học sinh có thể lựa chọn một hoặc nhiều chi tiết được nêu trong văn bản và nêu vai trò. Học sinh trình bày theo ý hiểu có lí giải hợp lí.	0.5
	9	Những phẩm chất cần có của con người trong cuộc sống hiện nay ngoài chăm chỉ, nhân hậu, ngay thẳng còn cần thêm: ý chí, nghị lực, bản lĩnh...	1.0
	10	Học sinh trình bày thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của văn bản và mang tính đạo đức, thẩm mĩ.	1.0
II		Viết	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Tình yêu thương con người trong cuộc sống	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một số gợi ý: - Giải thích: Tình yêu thương là sự đồng cảm, giúp đỡ, chia sẻ giữa người với người trong cuộc sống. - Bàn luận: Tình yêu thương trong cuộc sống có ý nghĩa: + Mang đến cho con người niềm vui, sự ấm áp và hạnh phúc. + Làm vơi đi những khổ đau, bất hạnh và khiến cho con người có niềm tin vào cuộc sống. + Có khả năng cảm hóa những con người lầm lạc để họ trở thành một người tốt.... + Có người không có tình yêu thương,.... - Bài học nhận thức và hành động + Biết yêu thương và chia sẻ. Hiện thực hóa tình thương	2.5

		bằng hành động cụ thể. + Phê phán những người sống ích kỷ, quay lưng lại với nỗi đau khổ của đồng loại.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
		Tổng điểm	10,0